

Bản án số 261/2024/DS-PT

Ngày 05/12/2024

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Hoàng Anh

*Các Thẩm phán:* Ông Cao Xuân Long

Bà Bùi Thị Thương

*-Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thùy Quyên –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên.

Ngày 05/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 207/2024/TLPT-DS ngày 18/10/2024.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 2/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã P bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 333/2024/QĐPT-DS ngày 18/11/2024; Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951; Địa chỉ: C hẻm A tổ E, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh BRVT (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Ú, sinh năm 19Địa chỉ: 2147 đường Đ, khu phố Q, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Tiểu Minh N, sinh năm 1964; Địa chỉ: B đường Đ, khu phố Q, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

3.2. Ông Ngô H1, sinh năm 1944; Địa chỉ: C hẻm A tổ E, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn Bà Võ Thị Ú, sinh năm 19

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*/Theo đơn khởi kiện và tại các bản khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: bà H và bà Ú có mối quan hệ quen biết nhau, do đó ngày 24/02/2017 bà H cho bà Ú vay số tiền 222.000.000 đồng, quy đổi ra vàng là 6 cây vàng SJC theo giấy chứng*

nhận mua vàng tại Ngân hàng E và ký với nhau Hợp đồng cho vay vàng đề ngày 24/02/2017 với nội dung: Bà H cho bà Ú vay 06 cây vàng SJC = 60 chỉ vàng SJC, thời hạn vay là 06 tháng; lãi suất là 200.000 đồng/01 cây vàng, tương đương 1.200.000 đồng/tháng. Hạn thanh toán cuối cùng là ngày 23/8/2017. Hợp đồng do hai bên thoả thuận và tự soạn thảo.

Quá thời hạn ngày 23/8/2017 bà Ú chỉ mới thanh toán được cho bà H 06 chỉ vàng SJC, còn nợ lại 05 cây 04 chỉ vàng SJC. Bà H đồng ý cho bà Ú kéo dài hợp đồng để bà Ú tiếp tục thanh toán tiền lãi cho đến khi thanh toán xong 05 cây 06 chỉ vàng SJC.

Đến ngày 02/11/2023 bà H đã thông báo yêu cầu bà Ú thanh toán dứt điểm số vàng 05 cây 4 chỉ vàng SJC còn nợ, sau đó bà Ú có đến nhà bà H để thoả thuận thanh toán nhưng đề nghị được thanh toán vàng 9999 và bù giá trị chênh lệch theo vàng SJC nhưng bà H không đồng ý vì cho rằng khi vay đã cam kết trả bằng vàng SJC thì bà H chỉ nhận vàng SJC, mặt khác bà Ú chỉ đề nghị mà không cho bà H xem trực tiếp vàng 9999 nên bà H không đồng ý; Đối với tiền lãi bà Ú vẫn thanh toán đầy đủ cho đến thời điểm bà H khởi kiện.

Nay bà H khởi kiện:

Yêu cầu bà Ú và chồng là ông Tiểu Minh N có trách nhiệm thanh toán cho bà H 05 cây 04 chỉ vàng SJC quy đổi tỷ giá VNĐ tại thời điểm xét xử ngày 02/7/2024 tương đương 76.980.000 đồng/cây, 05 cây 04 chỉ vàng SJC x 76.980.000 đồng/cây = 415.692.000 đồng. Bà H yêu cầu bà Ú thanh toán cho bà H và ông H1 số tiền 415.692.000 đồng; không yêu cầu trả lãi.

*\*/ Tại các bản khai bị đơn bà Võ Thị Ú trình bày:*

Bà Ú đã nhiều lần vay tiền của bà H, đến năm 2017 thì hai bên chốt với nhau số nợ 222.000.000 đồng và cùng thoả thuận quy đổi số tiền 222.000.000 đồng tương đương với 06 cây vàng SJC và hai bên đã thoả thuận ký hợp đồng cho vay vàng ngày 24/02/2017 theo như nội dung bản Hợp đồng viết tay bà H đã cung cấp cho Toà án. Nội dung hợp đồng bà Ú thống nhất như phần trình bày của bà H.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Ú đã thanh toán cho bà H 06 chỉ vàng SJC và tiền lãi theo thoả thuận từ thời điểm ký hợp đồng đến thời điểm bà H khởi kiện.

Bà Ú xác nhận còn nợ bà H số vàng 05 cây 04 chỉ vàng SJC. Tuy nhiên lý do bà Ú chưa thanh toán vì khoảng tháng 5 năm 2023 bà Ú đã gặp bà H để thoả thuận thanh toán cho bà H vàng 9999 và thanh toán giá trị chênh lệch giữa vàng 9999 và vàng SJC bằng tiền cho bà H nhưng bà H không đồng ý nhận.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà Ú không đồng ý. Bà Ú chỉ đồng ý thanh toán 05 cây 04 chỉ vàng SJC cho bà H với giá vàng SJC thời điểm tháng 5/2023 là 67.000.000 đồng/cây tương đương số tiền 361.800.000 đồng, yêu cầu tính lại lãi.

*\*/ Tại các bản khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tiểu Minh N trình bày:* Ông N là chồng của bà Ú, ông có biết việc bà Ú vay của bà H số tiền 222.000.000 đồng, mục đích là phục vụ công việc làm ăn kinh doanh của gia đình. Ông N xác nhận hiện nay còn nợ bà H 05 cây 04 chỉ vàng SJC, tuy nhiên chỉ đồng ý thanh

toán với giá vàng SJC tại thời điểm tháng 5/2023 là 67.000.000 đồng/ cây, tương đương số tiền 361.800.000 đồng.

*\*/Tại các bản khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô H1 trình bày: Ông H1 là chồng của bà H, ông biết việc bà H cho bà Ú vay số tiền 222.000.000 đồng; Tiền này bà Ú vay là tài sản chung của vợ chồng; Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ú thanh toán cho ông H1 và bà H số vàng 05 cây 04 chỉ vàng SJC tương đương với số tiền 415.692.000 đồng.*

*\*/Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 2/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã P; Đã áp dụng các quy định của pháp luật. Tuyên xử:*

+Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Võ Thị Ú về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Võ Thị Ú, ông Tiêu Minh N thanh toán cho bà Nguyễn Thị H, ông Ngô H1 vàng 05 cây 04 chỉ vàng SJC được quy đổi theo tỷ giá VNĐ ngày 02/7/2024 tương đương số tiền 415.692.000đ (bốn trăm mười lăm triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

*\*/Ngày 16/7/2024, bị đơn bà Võ Thị Ú kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu xét xử lại vụ án, sửa án sơ thẩm theo hướng: Hợp đồng vay vàng ngày 1/7/2017 vô hiệu, buộc bà Ú trả cho bà H 222.000.000 đồng.*

*\*/Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Một số đương sự vắng mặt Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

*\*/Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét xử công khai tại phiên tòa nhận thấy: Ngày 24/2/2017 bị đơn bà Ú ký giấy vay vàng của bà H với số vàng là 6 lượng (còn gọi là 6 cây) đã trả được 6 chỉ, còn nợ 5 lượng 4 chỉ vàng SJC tương đương với số tiền Việt Nam đồng là 415.692.000 đồng; Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng bà Ú phải trả cho vợ chồng bà H số tiền này là đúng quy định của pháp luật; Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Võ Thị Ú trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Xét nội dung kháng cáo; Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu của bà H buộc bà Ú trả 5 lượng 4 chỉ vàng SJC:

Căn cứ Hợp đồng cho vay vàng ký kết ngày 24/02/2017 giữa bà Nguyễn Thị H, với bà Võ Thị Ú; Thể hiện nội dung:

Bà H cho bà Ú vay 6 lượng vàng SJC (còn gọi là 6 cây);

Thời hạn vay 6 tháng là đến ngày 23/8/2017.

Lãi suất 10 chỉ = 200.000 đồng/tháng x 6 cây = 1.200.000 đồng/tháng.

\*/ Các bên đều thừa nhận có ký vào hợp đồng nêu trên và đã trả được 06 chỉ vàng SJC và tiền lãi theo thoả thuận từ ngày ký hợp đồng là ngày 24/2/2017 đến thời điểm bà H khởi kiện ngày 24/11/2023;

Như vậy, bà Ú còn nợ bà H 05 lượng 04 chỉ vàng SJC; Đến nay đã hết hạn nhưng chưa trả. Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự; Thì bà H có quyền kiện đòi bà Ú phải trả cho bà H 05 lượng 04 chỉ vàng SJC;

[2.2] Đối với yêu cầu của bị đơn bà Ú lại lãi theo pháp luật quy định:

Hội đồng xét xử thấy:

+Cả nguyên đơn và bị đơn xác nhận đã trả lãi đến ngày khởi kiện là ngày 24/11/2023.

+Thời điểm vay giá vàng 36.410.000 đồng/lượng x 6 lượng = 281.460.000 đồng.

Các bên thỏa thuận vay 6 lượng vàng SJC thì lãi 1.200.000 đồng/tháng.

+ *Lãi đã nhận*: Từ ngày vay 24/2/2017 đến ngày 24/11/2023 là 81 tháng: 1.200.000 đồng/tháng x 81 tháng = 97.200.000 đồng.

+*Lãi theo pháp luật*: Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự, lãi cho vay không được quá 20%/năm (1,67%/tháng): 281.460.000 đồng x 1,67%/tháng x 81 tháng = 380.730.942 đồng (bà H không yêu cầu tính lại lãi)

Như vậy bà H đã lấy lãi ít hơn quy định của pháp luật là có lợi cho bà Ú; Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Việc quy đổi từ vàng ra tiền Việt Nam đồng; Hội đồng xét xử thấy:

+Bà Ú cho rằng: Sự thật hai bên đã vay nhiều lần đến ngày 24/2/2017 chốt lại còn nợ số tiền 222.000.000 đồng, sau đó thỏa thuận quy đổi ra vàng là 6 lượng SJC; Đã trả 6 chỉ, còn nợ 05 lượng 04 chỉ vàng SJC có giá tại thời điểm vay là 67.000.000 đồng/lượng = số tiền 361.800.000 đồng, nay bà Ú chỉ đồng ý trả số tiền 222.000.000 đồng.

+Bà H cho rằng: Số Vàng 05 lượng 04 chỉ vàng SJC có giá tại thời điểm trả nợ (xét xử sơ thẩm) là 76.980.000 đồng/cây = số tiền 415.692.000 đồng;

Căn cứ khoản 2 Điều 466 Bộ luật dân sự và giá vàng quy định của nhà nước vào thời gian tháng 7 năm 2024 tại thời điểm trả nợ (xét xử sơ thẩm) có giá là 76.980.000 đồng/lượng SJC thì 05 lượng 04 chỉ vàng SJC; = số tiền 415.692.000 đồng; Bà H yêu cầu trả số tiền này là đúng quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp

nhận; Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Ú phải trả cho bà H số tiền 415.692.000 đồng tương ứng với 05 lượng 04 chỉ vàng SJC là phù hợp với quy định của pháp luật;

[3] Xác định số tiền cho vay là tiền chung hay tiền riêng:

Bà H thừa nhận số tiền cho vay này là tiền chung của vợ chồng và bà Ú thừa nhận việc vay tiền là để lo việc kinh tế gia đình, nên vợ chồng hai bên phải có quyền lợi, nghĩa vụ chung với nhau.

[4] Về hợp đồng vay vàng: Có hai hợp đồng:

Bà H cung cấp 2 hợp đồng: 1 hợp đồng vay vàng ngày 24/2/2017 ký kết giữa bà Nguyễn Thị H với bà Võ Thị Ú và 1 hợp đồng vay vàng ngày 1/7/2017 ký kết giữa bà Võ Thị Ú với ông Ngô Việt H2 (con của bà H); Cả hai hợp đồng có nội dung như nhau;

Nguyên đơn bà H khẳng định hai hợp đồng này là một và hợp đồng vay vàng ngày 24/2/2017 là hợp đồng đúng với sự thật và bà Ú cũng chỉ thừa nhận hợp đồng vay vàng ngày 24/2/2017 là có thật, còn hợp đồng kia do ông H2 ép bà Ú ký thì bà Ú ký chứ bà Ú chưa bao giờ vay vàng, tiền của ông H2; Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ thật là hợp đồng vay vàng ngày 24/2/2017 ký kết giữa bà Nguyễn Thị H với bà Võ Thị Ú để làm căn cứ giải quyết vụ án là đúng sự thật; Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả tiền cho nguyên đơn nhưng không tuyên hủy 2 hợp đồng nêu trên là chưa phù hợp với quy định của pháp luật; Nên cần phải hủy cả hai hợp đồng nêu trên. Do đó cần phải sửa án sơ thẩm.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Căn cứ Điều 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

+Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận, nên Bà Võ Thị Ú phải chịu án phí là 415.692.000 đồng = 20.000.000 đồng + (15.692.000 đồng x 4%) = 20.628.000 đồng

+Về Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo bà Ú không phải chịu án phí và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng;

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ: Chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Võ Thị Ú; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 2/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã P; như sau:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự; Khoản 4 Điều 19 Nghị định 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng; Điều 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Võ Thị Ú.

+ Hủy hợp đồng vay vàng ngày 24/2/2017 ký kết giữa bà Nguyễn Thị H với bà Võ Thị Ú và hợp đồng vay vàng ngày 1/7/2017 ký kết giữa bà Võ Thị Ú với ông Ngô Viết H2 (con của bà H).

+ Buộc bà Võ Thị Ú, ông Tiểu Minh N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H, ông Ngô H1 tiền là 415.692.000 đồng (bốn trăm mười lăm triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Ú, ông Tiểu Minh N phải nộp số tiền 20.628.000 đồng (hai mươi triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Ú được hoàn trả lại tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003454 ngày 6/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh BRVT;

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng phải trả thêm số tiền lãi theo lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 05/12/2024.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TANDTX.P.
- THADSTX.P.
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trịnh Hoàng Anh**



